TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 16

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 683, chữ số 8 có giá trị là:

A. 80 **B.** 800 **C.** 8 **D.** 683

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 882, 828, 782, 883 là:

A. 882 **B.** 883 **C.** 828 **D.** 782

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép nhân 21 × 5 là:

A. 115 **B.** 95 **C.** 85 **D.** 105

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 : ……. = 3

A. 3 **B.** 6 **C.** 4 **D.** 2

Câu 5. *(0,5 điểm)* Số lớn là 12, số bé là 6. Hỏi số lớn gấp mấy lần số bé?

A. 6 lần **B.** 2 lần **C.** 18 lần **D.** 3 lần

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần tư (1/4) của 16 l là:

A. 4 l **B.** 12 l **C.** 64 l **D.** 6 l

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 8 dm 4 cm = ……. cm

A. 48 **B.** 804 **C.** 12 **D.** 84

Câu 8. *(0,5 điểm)* Khối hộp chữ nhật có bao nhiêu mặt?

A. 12 mặt **B.** 6 mặt **C.** 8 mặt **D.** 4 mặt

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ……. × 4 = 36

b) ……. : 6 = 37

c) ……. − 428 = 460

d) 36 : ……. = 6

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 24, 30, ……., ……., 48, 54

b) 314, 316, 318, 320, ……., …….

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 12 lên 6 lần: ……

b) Giảm 24 đi 6 lần: ……

c) 38 thêm 7 đơn vị: ……

d) Gấp 38 lên 7 lần: ……

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 2 m 1 dm = …… dm

b) 2 m = …… dm

c) 3 cm = …… mm

d) 9 dm 6 cm = …… cm

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 11 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 28 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 12 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Một sợi dây dài 24 m được cắt thành 2 đoạn bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu mét?

a) Trả lời: Mỗi đoạn dài …… m

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 16

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	D	A	B	A	D	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 36 : 4 = 9

b) 37 × 6 = 222

c) 460 + 428 = 888

d) 36 : 6 = 6

Câu 10.

a) Đếm thêm 6: 24, 30, 36, 42, 48, 54

b) Mỗi số hơn số trước 2 đơn vị: 314, 316, 318, 320, 322, 324

Câu 11.

a) 12 × 6 = 72

b) 24 : 6 = 4

c) 38 + 7 = 45

d) 38 × 7 = 266

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Câu 12.

a) 2 m 1 dm = 21 dm (vì 1 m = 10 dm)

b) 2 m = 20 dm (vì 1 m = 10 dm)

c) 3 cm = 30 mm (vì 1 cm = 10 mm)

d) 9 dm 6 cm = 96 cm (vì 1 dm = 10 cm)

Câu 13.

a) 11 × 2 = 22 (cm)

b) 28 : 2 = 14 (dm)

c) 12 : 2 = 6 (mm)

Câu 14.

24 : 2 = 12 (m)